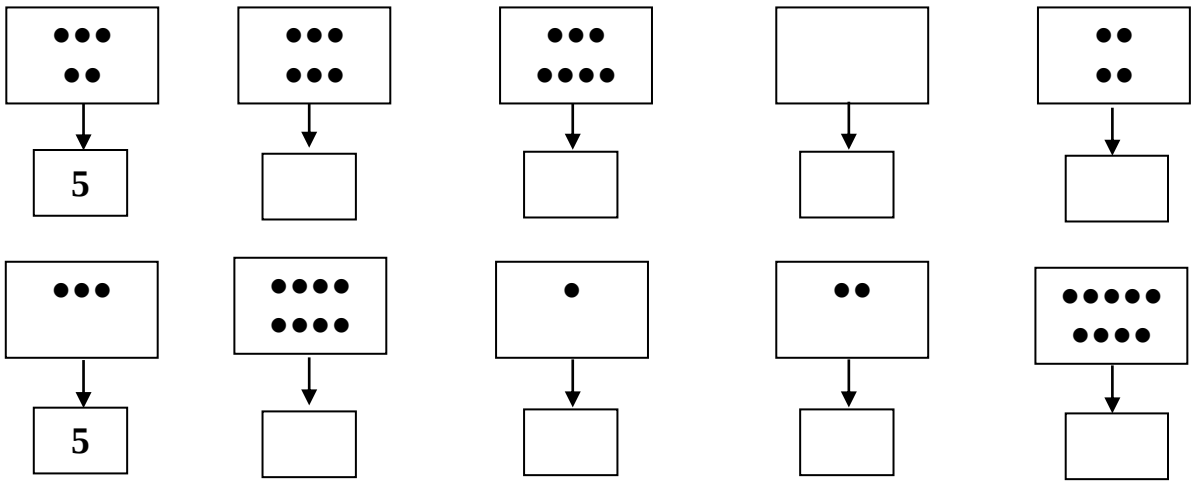
ĐỀ LUYỆN MÔN TOÁN LỚP 1 - ĐỀ 1

Họ và tên:.....

Lớp: .....

Bài 1: Viết số thích hợp:(Theo mẫu)



Bài 2: Tính:

a. 3 + 5 = ... 4 + 2 = ...

9 - 6 = ... 7 - 5 = ...

b. 3 + 5 - 4 =..... 9 - 4 - 5 =.....

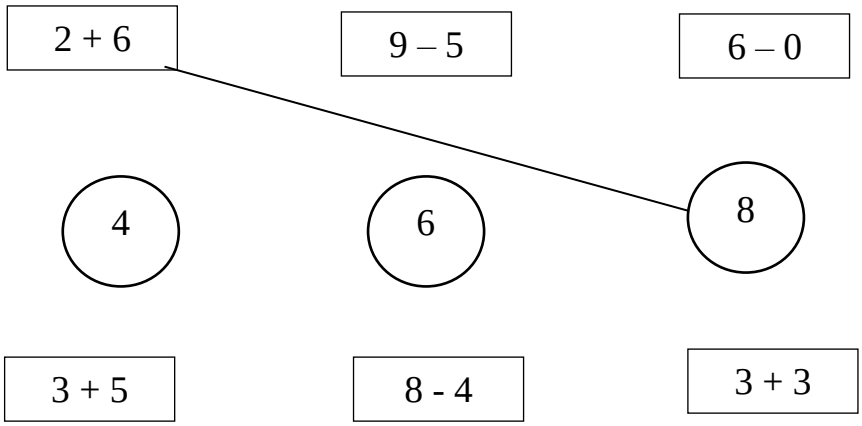
6 + 3 - 7 =..... 2 + 3 + 5 =.....

Bài 3: Điền dấu >; < ; = ?

8 – 3 ☐ 7 6 + 3 ☐ 6

6 + 3 ☐ 4 + 2 6 - 3 ☐ 3 + 5

Bài 4: Nối :(Theo mẫu)



Bài 5: Viết các số : 6, 10, 2, 4, 0.

a, Theo thứ tự tăng dần:

.....

b, Theo thứ tự giảm dần:

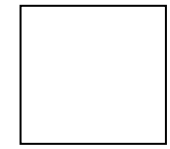
.....

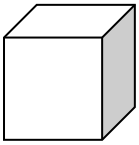
Bài 6: Điền số thích hợp vào ô trống: (1 điểm)

10 - ☐ = 6 ☐ + 7 = 9

6 - ☐ > 4 3 + 5 < 9 - ☐

Bài 7: Nối (Theo mẫu):





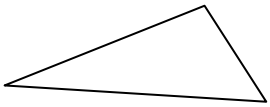
Hình chữ nhật

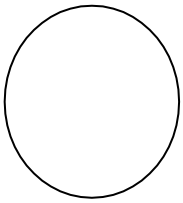
Hình tam giác

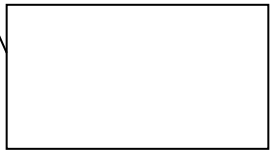
Hình tròn

Hình vuông

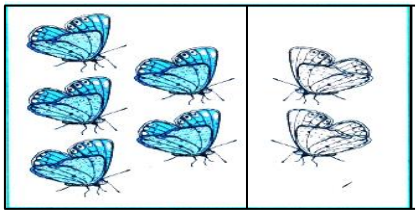
Khối lập phương

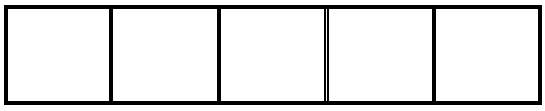






Bài 8: Viết phép tính thích hợp với hình vẽ:





Bài 9: Điền vào chỗ chấm cho thích hợp:

Lớp em có bốn tổ: Tổ 1 có 7 bạn, tổ 2 có 9 bạn, tổ 3 có 8 bạn, tổ 4 có 8 bạn.

a) Tổ ..... có số bạn đông nhất.

b) Số bạn ở tổ 3..... số bạn ở tổ 4.

c) Số bạn ở tổ 1(nhiều hơn/ ít hơn) ..... số bạn tổ 2

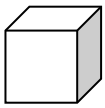
d) Số bạn ở tổ 2 (nhiều hơn/ ít hơn) ..... số bạn tổ 4

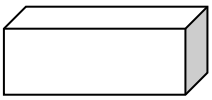
ĐỀ LUYỆN MÔN TOÁN LỚP 1 - ĐỀ 2

Họ và tên:.....

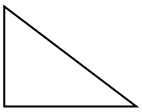
Lớp: .....

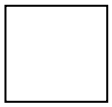
Câu 1: Viết tên các hình, khối sau

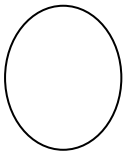
 : .....

 :.....

 :.....

 : .....

 :.....

 :.....

Câu 2: Viết các số từ 10 đến 0 vào ô trống

Câu 3: Viết số vào ô trống?

				
.....	.....	.....	.....	.....

Câu 4 : Số?

6 + 3 → ☐ - 2 → ☐

7 - 4 → ☐ + 3 → ☐

8 - 2 → ☐ - 3 → ☐

9 + 0 → ☐ - 4 → ☐

Câu 5: Nối phép tính với số?

7 - 1	10 - 6 + 3

(5) (6) (7) (8)

5 + 3	9 + 0 - 4

Câu 6: Viết các số 6, 1 , 4, 8, 10 theo thứ tự:

- Từ bé đến lớn:.....
- Giảm dần: .....

Câu 7 : Hình giống nhau điền số giống nhau. (mức 2)

□ + □ = 8 ○ - □ = 5

□ - △ = 3 △ + ○ = 10

Câu 8 : Điền dấu < > = ?

5 □ 7 - 2 3 + 6 □ 6 + 2

2 □ 0 + 3 8 - 3 □ 8 - 4

Câu 9: Số? Mức 3

2 + □ = 7 5 = □ - 1

6 - □ > 5 9 - □ < 2

Câu 10: (1,0 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm (mức độ 3)

Mẹ có:



Mẹ bảo em xếp số cam trên vào hai đĩa, sao cho số quả cam ở đĩa thứ nhất nhiều hơn số quả cam ở đĩa thứ hai hai quả.

Em xếp như thế nào?

Đĩa thứ nhất ..... quả, đĩa thứ hai ..... quả.

Câu 11: Cho các số: 0,1,2,3,4,5,6,7,9:

Hãy xếp các số trên thành bốn hàng sao cho cộng các số trong mỗi hàng được kết quả bằng 10:

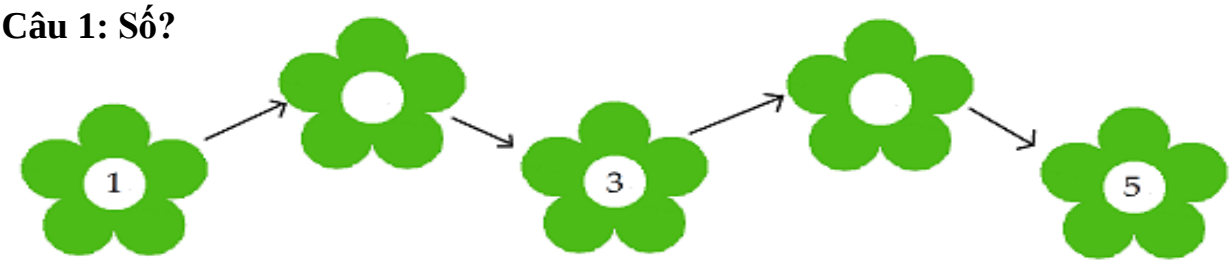
- Hàng 1:.....
- Hàng 2:.....
- Hàng 3:.....
- Hàng 4:.....

ĐỀ LUYỆN MÔN TOÁN LỚP 1 - ĐỀ 3

Họ và tên:.....

Lớp: .....

Câu 1: Số?



Câu 2: Tính:

4 + 3 = ... 5 + 0 = ...

9 – 2 = ... 6 – 3 = ...

Câu 3: Tính:

5 + 4 – 3 = ... 8 – 2 + 4 = ...

Câu 4: Viết vào chỗ chấm:

a. Cách đọc các số: b, Viết số:

3: ..... Bốn: .....

8: ..... Mười: .....

Câu 5: >, <, = ?

8 + 0 ..... 9 3 + 6 ..... 10 – 1

4 + 2 ..... 3 + 1 9 - 2 ..... 7 - 5

Câu 6: Số?

6 + ☐ = 10 8 – ☐ = 3

8 = ☐ - 1 3 + 4 = ☐ + 2

Câu 7: Nối phép tính với số thích hợp:

4 + 6	9 – 6	7 – 0

7	10	3

Câu 8: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



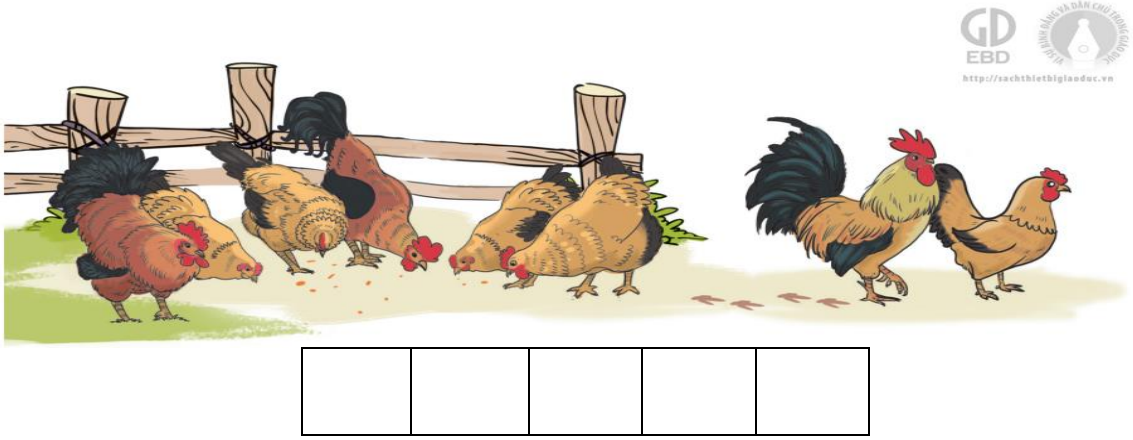
a. Có ..... hình tròn.

b. Có ..... hình chữ nhật.

c. Có ..... hình vuông.

d. Có ..... hình tam giác.

Câu 9: Nhìn hình vẽ và viết phép tính thích hợp:



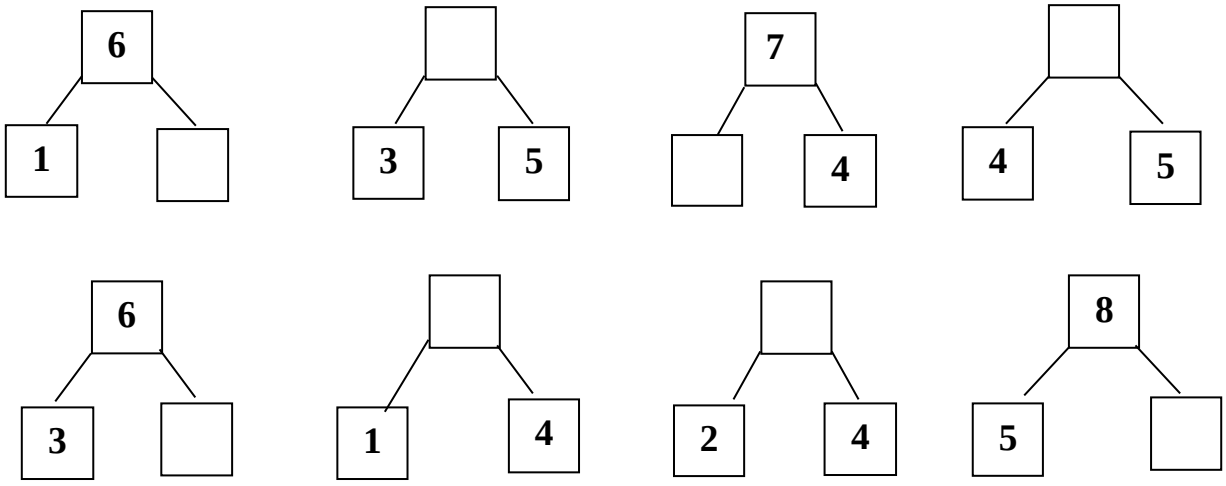
Câu 10: Em có 7 ..... cho .....

còn.....

Câu 11: Em có 6.....mẹ cho thêm.....

em có tất cả.....

Câu 12: Số **?**



ĐỀ LUYỆN MÔN TOÁN LỚP 1 - ĐỀ 4

Họ và tên:.....

Lớp: .....

Câu 1: Viết số thích hợp vào ô trống:

0			3			6		8		

10				6	5			2		0

Câu 2: Viết tên các hình vào chỗ chấm :



....

Câu 3: Tính

4 + 3 =…….. 7 – 5 = ……

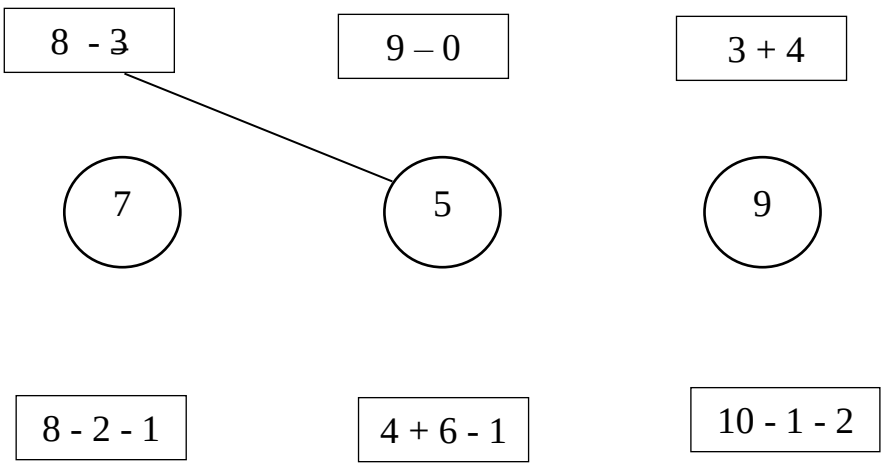
8 - 5 =..... 3 + 2 = ...

Câu 4:Điền số thích hợp vào ô trống :

☐ + 5 = 8 6 - ☐ = 2

8 - ☐ > 6 5 < ☐ - 4

Câu 5. Nối :



Câu 6: Tính

8 - 2 + 3 = ... 3 + 0 + 2 = ...

9 - 6 + 5 = ... 8 - 4 - 4 =.....

Câu 7 : Sắp xếp các số 10; 7; 5; 3 ; 9

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

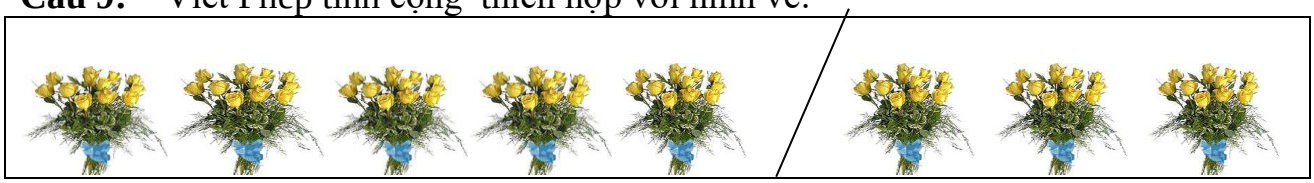
a) Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

Câu 8: <, >, = ?

8 - 2 …….. 3 + 3 3 + 5 …….. 5 7 - 0 ……7 + 0

6 + 2.....3 + 2 + 4 9 - 6 ..... 2 + 4 10 - 4 - 3..... 10 - 2 - 5

Câu 9: Viết Phép tính cộng thích hợp với hình vẽ:

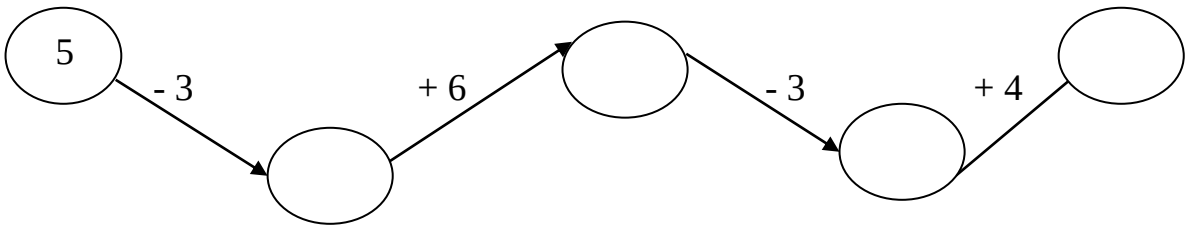


Câu 10 : Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Em có 5 ..... ……, tặng bạn ..... ,

còn ….....

Câu 11: Số?



Câu 12: Số?

- Từ 3 đến 6 có ☐ số. Số bé nhất là ☐, số lớn nhất là ☐

- Giữa 8 và 10 có ☐ số, là số.....

Câu 15: Viết số, phép tính trừ thích hợp vào chỗ chấm

Mẹ bảo em xếp ..... quả cam vào 2 đĩa, sao cho đĩa nào cũng có cam.

Em xếp như thế nào?

Cách 1: Đĩa thứ nhất ..... quả, đĩa thứ hai ..... quả.

Phép tính: .....

Cách 2: Đĩa thứ nhất ..... quả, đĩa thứ hai .....quả.

Phép tính: .....

ĐỀ LUYỆN MÔN TOÁN LỚP 1 - ĐỀ 5

Họ và tên:.....

Lớp: .....

Câu 1: Số?

5		7	8	

2		4		

9		7		

6		4		

Câu 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

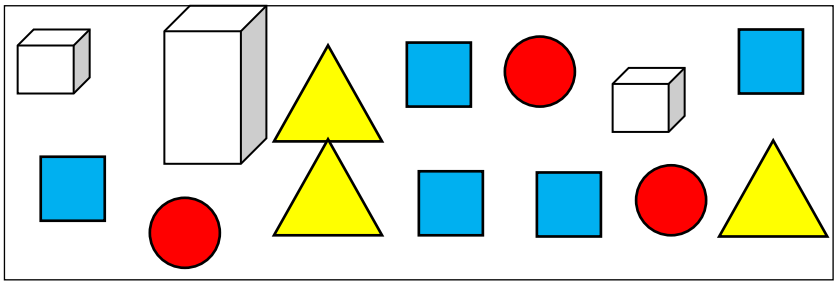
Hình bên có:

…....hình tam giác

……hình tròn

……hình vuông

…... khối lập phương



Câu 3: Số?

10	2		3			7
	8	9		6	4	

Câu 4: Tính

6 - 1 = ……..…. 5 + 5 = ……..….

7 + 0 = ……..…. 10 - 4 = ……..….

10 - 8 + 6 = ... 4 + 3 - 0 = ...

Câu 5: (>; < ; =)?

10 – 5 ☐ 7 8 + 0 ☐ 0 + 8

5 + 3 ☐ 6 + 2 – 1 5 + 5 ☐ 9 - 1

Câu 6: Nối ô trống với số thích hợp:

2 4

5 + ☐ < 9

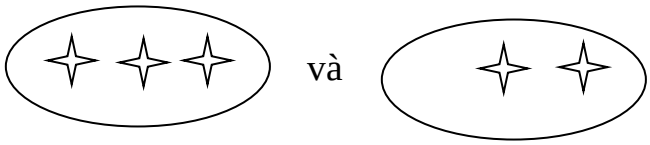
6 3

Câu 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống (M2)

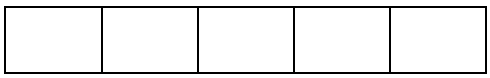
2+ 2= 4 ☐ 2 - 1 = 1 ☐

2 + 3 = 8 ☐ 4 – 2 = 3 ☐

Câu 8: Viết phép tính thích hợp:



và



Câu 9: Điền số vào chỗ chấm:

Em có 9 cái kẹo, em cho bạn ….. cái kẹo. Em còn ….. cái kẹo.

Câu 10: Điền số hoặc từ so sánh thích hợp vào chỗ chấm:

a, Mỗi bàn tay có ..... ngón tay. Mỗi người có ..... ngón tay.

b, Mỗi bàn chân có ..... ngón tay. Mỗi người có ..... ngón chân.

c**,** Số ngón tay(nhiều hơn/ ít hơn/ bằng)..... số ngón chân.

Câu 11: Điền dấu (+, -) thích hợp vào ☐ :

10 ☐ 7 ☐ 5 = 8 8 ☐ 1 ☐ 5 = 4

Câu 12: Mẹ mua 10 con gà. Mẹ muốn nhốt chúng vào 3 cái lồng sao cho không có hai chiếc lồng nào nhốt số gà bằng nhau.

Em hãy chỉ giúp mẹ bằng cách điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- Cách 1: Lồng 1:.....con; lồng 2:.....con; lồng 3:.....con

- Cách 2: Lồng 1:.....con; lồng 2:.....con; lồng 3:.....con

- Cách 3: Lồng 1:.....con; lồng 2:.....con; lồng 3:.....con

- Cách 4: Lồng 1:.....con; lồng 2:.....con; lồng 3:.....con

ĐỀ LUYỆN MÔN TOÁN LỚP 1 - ĐỀ 6

Họ và tên:.....

Lớp: .....

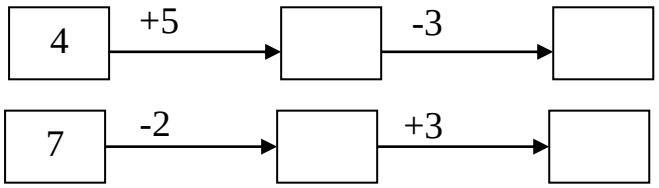
Câu 1: Tính

6 + 4 = ……. 7 + 2 = ……. 10 – 5 = …… 6 – 3 = …….

Câu 2: Tính

7 + 2 – 4 = ……. 8 – 3 + 2 = …….

Câu 3: Số.



Câu 4: Viết vào chỗ chấm.

a. Cách đọc các số

7: …….

6: …….

b. Viết các số

Bốn: …….

Chín: …….

Câu 5: Số?

6 + ☐ = 9 8 - ☐ = 4

☐ + 3 = 7 ☐ - 5 = 2

Câu 6: Nối ☐ với số thích hợp.

☐ + 2 < 6 ☐ + 3 > 5

0	1	2	3	4	5

Câu 7: >, <, =?

7 ☐ 5 + 3 3 + 2 ☐ 6 - 4

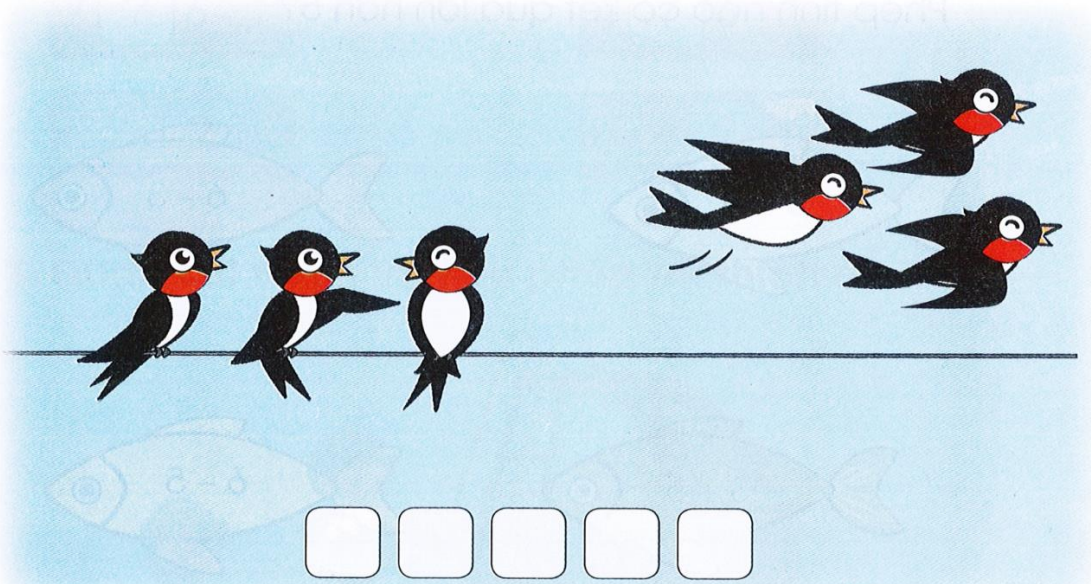
9 ☐ 7 + 2 5 – 1 ☐ 9 – 5

Câu 8: Viết các số 3, 5, 0 7, 9 theo thứ tự:

- Từ bé đến lớn: ……
- Từ lớn đến bé: ……

Câu 9:

Quan sát tranh và nêu phép tính thích hợp:



Câu 10: Viết tiếp vào chỗ chấm.

a. Em có 5 …… cho thêm ……

Em có tất cả ……

b. Nhà em có..... trong đó.....và .....

Bài 11: Điền vào chỗ chấm cho thích hợp:

Có bốn ngăn sách: Ngăn 1 có 8 quyển sách, ngăn 2 có 9 quyển sách, ngăn 3 có 7 quyển sách, ngăn 4 có 10 quyển sách.

a) Ngăn ..... có nhiều sách nhất. Ngăn .....có ít sách nhất

c) Số quyển sách ngăn 1(nhiều hơn/ ít hơn) ..... số quyển sách ngăn 2.

d) Số quyển sách ngăn 4 (nhiều hơn/ ít hơn) ..... số quyển sách ngăn 3

ĐỀ LUYỆN MÔN TOÁN LỚP 1 - ĐỀ 7

Họ và tên:.....

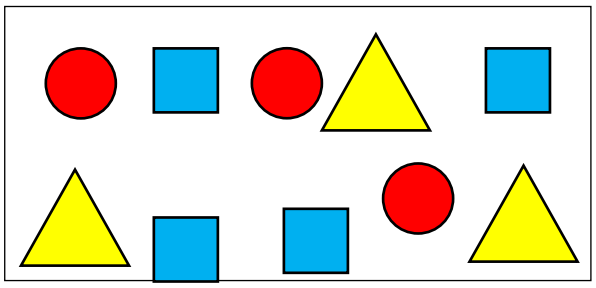
Lớp: .....

Câu 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có:

….hình tam giác

….hình tròn



Câu 2: Tính:

6 – 1 = ……..…. 5 + 5 = ……..….

7 + 0 = ……..…. 10 – 4 = ……..….

Câu 3: Điền dấu >; < ; = ?

10 – 5 ☐ 7 8 + 0 ☐ 0 + 8

Câu 4: Viết số thích hợp vào chỗ trống:

a) 0 ; 1; 2; ….; ….; …; 6 ; ….; 8; ….; 10.

b) 10; 9 ;….; …..; 6 ; …..; 4; ……. ; 2 ; …..; 0.

Câu 5: Viết các số 2, 5, 1, 8 , 3:

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn……

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé……

Câu 6: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống?

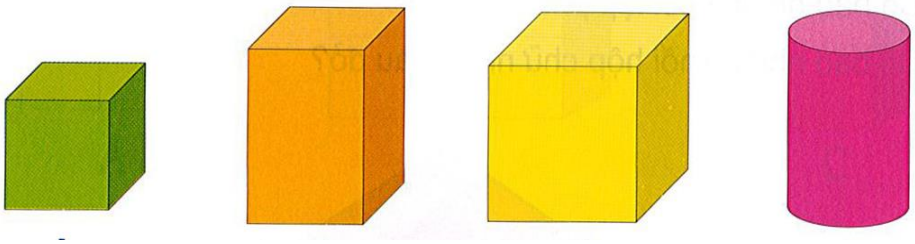
2+ 2= 4 ☐ 2 - 1 = 1 ☐

2 + 3 = 8 ☐ 4 – 2 = 3 ☐

Câu 7: Số?

1		**3**		**5**		10		**7**	

Câu 8: Có mấy khối lập phương?



A. 3 **B. 4** **C. 2** **D. 1**

Câu 9: Viết Phép tính thích hợp với hình vẽ:



Câu 10: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a, Mỗi bàn tay có..... ngón tay. Mỗi người có..... bàn tay.

b, Mỗi người có tất cả ..... ngón tay.

Câu 11: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a. Nhà em có ..... cửa ra vào. Có.....cái cửa sổ

b. Cửa ra vào (nhiều hơn/ ít hơn/ bằng) .....cửa ra vào

Câu 12: Em hãy ghi tên 1 đồ vật trong nhà em:

- Có hình khối lập phương:.....

- Có hình khối hộp chữ nhật:.....

- Có hình vuông:.....

- Có hình chữ nhật:.....

- Có hình tròn:.....

ĐỀ LUYỆN MÔN TOÁN LỚP 1 - ĐỀ 8

Họ và tên:.....

Lớp: .....

Câu 1: Khoanh vào phép tính có kết quả bằng 5.

5- 2	10 – 5	5 + 4	9 – 4
8- 5	5 + 5	7 – 2	3 + 2

Câu 2: Tính:

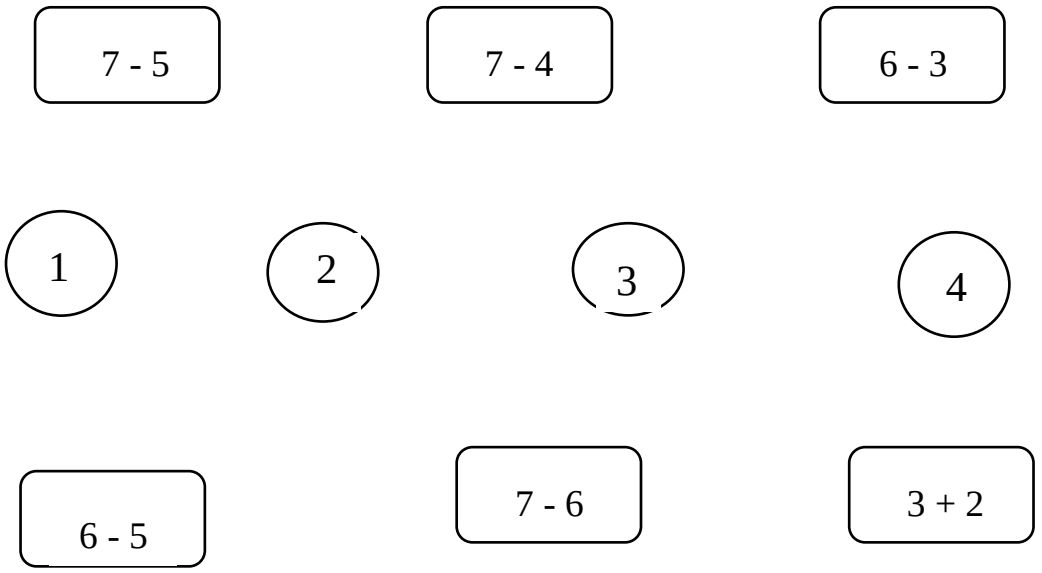
10 – 4 + 3 = ……..…. 10 – 4 - 2 = ……..….

9 – 2 + 1 = ……..…. 6 – 0 + 5 = ……..….

Câu 3: Điền dấu >; < ; =

4 + 3 ☐ 6 - 1 3 + 7 ☐ 8 + 2

Câu 4: Nối phép tính với kết quả thích hợp:



Câu 5: Viết các số 7, 0, 5, 9, 10

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn……

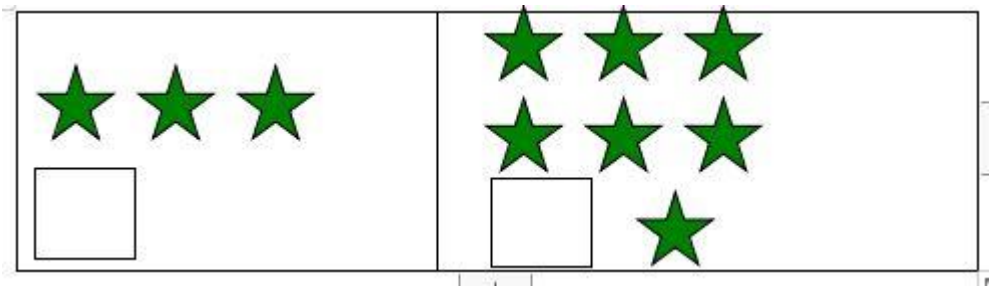
b) Theo thứ tự từ lớn đến bé……

Câu 6: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

10,….., 8, ……, ….., 5 , ….., ….., 2 , 1, 0

0,1, ……, 3,…..,….., 6, 7, ….., 9,…..

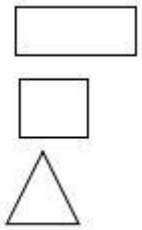
Câu 7: Số?



Câu 8: Nối với hình thích hợp?

A. hình vuông

B. hình chữ nhật



Câu 9: Viết Phép tính thích hợp với hình vẽ: **:**



Câu 10: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- Mỗi con thỏ có ..... cái chân. Mỗi con thỏ có ..... cái tai.

- Mỗi con thỏ có số chân (*nhiều hơn/ ít hơn/ bằng*) ..... số tai.





TÀI LIỆU NÀY
ĐƯỢC SƯU TẦM VÀ BIÊN SOẠN BỞI

Tiệm sách nhà Noel - Tết





0977 838 000

ĐẮT ỐC SÊN ĐI DẠO

